






























Stt	Mô tả	ĐVT	Số lượng Cựu	Số lượng điều chỉnh mới	Yêu cầu kỹ thuật	Nhà sản xuất, model/code	Hình ảnh minh họa
I	Cáp cầu, xích, kẹp tôn						
1	Cáp bạt 3T-3M	Sợi	12	11	Dây cáp vải cầu hàng (websling Eye to Eye) Bán rộng 75mm, Myung sung 2 Lớp may, Hàn Quốc : 3T x 3M	Korea	
2	Cáp bạt 3T-6M	Sợi	16	14	Dây cáp vải cầu hàng (websling Eye to Eye) Bán rộng 75mm, Myung sung 2 Lớp may, Hàn Quốc : 3T x 6M	Korea	
3	Cáp bạt 5T-6M	Sợi	28	25	Dây cáp vải cầu hàng (websling Eye to Eye) Bán rộng 125mm, Myung sung 2 Lớp may, Hàn Quốc : 5T x 6M	Korea	
4	Cáp bạt 10T-6M	Sợi	12	11	Dây cáp vải cầu hàng (websling Eye to Eye) Bán rộng 125mm, Myung sung 4 Lớp may, Hàn Quốc : 10T x 6M	Korea	
5	Cáp thép 6m -10 tấn	Sợi	32	29	sling cáp thép mạ kẽm d28mm (26x36, IWRC) , bấm chỉ 2 đầu mắt mềm, vòng tiêu chuẩn, sợi dài hoàn thiện 6M, tải trọng làm việc 10 tấn, HQ	EU/G7 hoặc tương đương	
6	Cáp Xích F22 + khuyên, móc 15T x 8M	Sợi	2	2	sling xích 2 chân, dài 6m, tải trọng làm việc 15 tấn, xuất xứ HQ bao gồm: -1 Vòng khuyên đơn, tải trọng làm việc 17,7 tấn, HQ - 2 Khóa nối xích size 7/8", tải trọng làm việc 15 tấn, Hàn Quốc - 2 sợi xích D22mm, tải trọng làm việc 15 tấn, HQ -2 Móc cầu mắt (Alloy) tải trọng làm việc 15 Tấn, Hàn quốc	Kawasaki - Japan hoặc tương đương	
7	Cáp thép lựa F12	m	120	200	Dây cáp thép D12MM(6 X 36 +IWRC), Hàn quốc	Hàn Quốc hoặc tương đương	
8	Kẹp tôn ngang 5 tấn	Cái	16	14	Kẹp tôn ngang 5 tấn Model: PPD-5 Hãng: Kukdong	Kawasaki - Japan hoặc tương đương	
9	Kẹp tôn ngang 10 tấn	Cái	6	5	Kẹp tôn ngang 5 tấn Model: PPD-10 Hãng: Kukdong		
10	Kẹp tôn đứng 5 tấn	Cái	4	4	Kẹp tôn đứng 5 tấn Model: JCD-5 Hãng: Kukdong	Kawasaki - Japan hoặc tương đương	
11	Kẹp tôn đứng 10 tấn	Cái	10	9	Kẹp tôn đứng 5 tấn Model: JCD-10 Hãng: Kukdong		










12	Bộ xích chùm f13 dài 18M, 2 sợi+ 04 Ngáo 5t	Bộ	4	4	Bộ chùm xích 2 chân, tải trọng làm việc 5 tấn, bao gồm: 1 Vòng xuyên đôi, tải trọng làm việc 6,4 tấn 4 khóa nối xích, tải trọng làm việc 5,3 tấn 2 sợi xích d13mm, tải trọng làm việc 5,4 tấn, sợi dài 18M 4 móc ngáo xích, tải trọng 5 tấn	Hàng ABLE Mỹ, Ngáo China	
13	Bộ xích chùm F18 x 18m 2 sợi khuyên + 04 Ngáo 10t	Bộ	8	7	Bộ chùm xích 2 chân, tải trọng làm việc 10 tấn, bao gồm: 1 Vòng xuyên đôi, tải trọng làm việc 13,9 tấn 4 khóa nối xích, tải trọng làm việc 8,2 tấn 2 sợi xích d20mm, tải trọng làm việc 12 tấn, sợi dài 18m 4 móc ngáo xích, tải trọng 10 tấn	Hàng ABLE Mỹ, Ngáo China	
14	Cáp vải bản tròn loại vòng tròn 160t x 18m	Sợi	3	3	Cáp thép F89 x18m, tải trọng 160T (IWRC 6x36) Offer grommet: D90mm x 18 mtr SWL: 176 Tấn: SF: 4: 1	Korea	
15	Cáp thép F89 x18m, tải trọng 203T (IWRC 6x36)	Sợi	2	2	Cáp vải bản tròn loại vòng tròn 206 Tx18m . có đầy đủ COCQ.	Kawasaki - Japan hoặc tương đương	
16	Cáp thép F64 x18m, tải trọng 54T (IWRC 6x36)	Sợi	4	4	Cáp thép F64 x18m, tải trọng 54T (IWRC 6x36)	Korea	
17	Cáp thép F64 x6m, tải trọng 54T (IWRC 6x36)	Sợi	4	4	Cáp thép F64 x6m, tải trọng 54T (IWRC 6x36)	Korea	
18	Ma ní 35 tấn	Cái	8	8	Ma ní Omega chốt an toàn 35 Tấn Hà Lan	Hà Lan	
19	Ma ní 55 tấn	Cái	12	12	Ma ní Omega chốt an toàn 55 Tấn Hà Lan	Hà Lan	
20	Ma ní 150 tấn	Cái	1	1	Ma ní 150 tấn Nanjing Shawson	Hà Lan	
21	Ma ní 175 tấn	Cái	4	4	Ma ní 175 tấn Nanjing Shawson	Hà Lan	
II	Pa lăng mã ní						
1	Palang xích 2T chiều cao nâng 2,5m	Bộ	8	6	Palang xích 2Tx3M, Nitto	Japan	
2	Palang xích 3T chiều cao nâng 5m	Bộ	14	11	Palang xích 3Tx5M, Nitto	Japan	
3	Palang xích 5T chiều cao nâng 5m	Bộ	9	7	Palang xích 5Tx5M, Nitto	Japan	






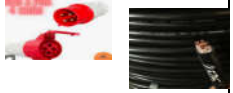

4	Palang xích 10T chiều cao nâng 8 m	Bộ	2	4	Palang xích 10Tx8M, Nitto	Japan	
5	Palang xích 20T chiều cao nâng 12m	Bộ	2	2	Palang xích 20T chiều cao nâng 12m, Kondotech	Japan	
6	Palang lắc tay 2T chiều cao nâng 1,5m	Bộ	2	2	Palang xích lắc tay 2Tx1.5M, Nitto	Japan	
7	Palang lắc tay 3T chiều cao nâng 3m	Bộ	11	9	Palang xích lắc tay 3Tx1.5M, Nitto	Japan	
8	Palang lắc tay 5T chiều cao nâng 5m	Bộ	11	9	Palang xích lắc tay 5Tx5M, Nitto	Japan	
9	Ma ní 8.5 tấn	Cái	32	24	Ma ní 8.5T Omega chốt vặn ren, HS6:1	Hà Lan	
10	Ma ní 13.5 tấn	Cái	32	26	Ma ní 13.5T Omega chốt vặn ren, HS6:1	Hà Lan	
11	Ma ní 17 tấn	Cái	8	6	Ma ní 17T Omega chốt vặn ren, HS6:1	Hà Lan	
12	Ma ní 25 tấn	Cái	4	4	Ma ní 25T Omega chốt vặn ren, HS6:1	Hà Lan	
13	Khóa cáp F12	Cái	60	48	Khóa cáp F12China Honyuan	China	
14	Tăng đơ M30	Bộ	86	68	Tăng đơ M30China Honyuan	China	
15	Tăng đơ M42 Ren vuông	Bộ	28	22	Tăng đơ M42 Ren vuôngChina Honyuan	China	










16	Pu ly 1T	Cái	16	13	Pu ly 1TChina Honyuan	China	
III Kịch, vạm, kim, kéo thủy lực							
1	Kịch thủy lực đứng 50T (Bao gồm bơm và kịch) Hành trình max 100mm	Bộ	2	2	Kịch thủy lực 50 tấn MH-50	Japan	
2	Kịch thủy lực dẹt 50T (Bao gồm bơm và kịch) Hành trình max 100mm	Bộ	12	10	Kịch thủy lực dẹt 50 tấn TAT Bơm tay thủy lực CP-700A (dùng cho dẹt 50T)	China	
3	Kịch thủy lực dẹt 30T (Bao gồm bơm và kịch) Hành trình max 100mm	Bộ	12	10	Kịch thủy lực dẹt 30 tấn TAT Bơm tay thủy lực CP-700 (dùng cho dẹt 30T)	China	
4	Kịch thủy lực dẹt 20T (Bao gồm bơm và kịch) Hành trình max 100mm	Bộ	10	8	Kịch thủy lực dẹt 20 tấn TAT Bơm tay thủy lực CP-700 (dùng cho dẹt 20T)	China	
5	Vạm thủy lực 3 chấu 100-250 mm	Bộ	1	1	Cào thủy lực 3 chấu 100-250mm, YL-10T	China	
6	Kim ép đầu cos thủy lực 16- 300 mm	Bộ	1	1	Kim ép đầu cos thủy lực 16- 300 mm, YQK-300K TAT	China	
7	Kéo cắt cáp công lực 25-300mm	Cái	1	1	Kéo cắt cáp công lực 25-300mm, CC500, TAC	Taiwan	
8	Kim ép cos tay 1,5-8 mm	Cái	2	2	Kềm ép cos tay 1.5-8mm, CT-16, TAC	Taiwan	
9	Nam châm nâng tay gat (PML-1000)	Bộ	2	2	Nam châm nâng tay gat (PML-1000)PML-600/Kawasaki	China	









10	Nam châm nâng tay gat (PML-2000)	Bộ	2	2	Nam châm nâng tay gat (PML-2000)PML-1000/Kawasaki	China	
11	Nam châm nâng tay gat (PML-5000)	Bộ	4	4	Nam châm nâng tay gat (PML-5000)PML-5000/Kawasaki	China	
IV	Dây hơi, dây khí nén, van chống cháy ngược, đồng hồ.						
1	Dây khí nén 1/2"	M	600	480	Dây khí nén 1/2", Hanflex/Korea	Hanflex/Korea	
2	Dây đôi gas+ Oxy (30m/ cuộn)	Cuộn	102	61	Dây đôi gas+ Oxy đường kính lỗ 8-10mm(30m/ cuộn) Hanflex/Korea	Hanflex/Korea	
3	Van chống cháy ngược đầu đèn	Bộ	204	143	Van chống cháy ngược đầu đèn Shinhung/Korea	Shinhung/Korea	
4	Van chống cháy ngược đầu chai	Bộ	204	143	Van chống cháy ngược đầu chai, Shinhung/Korea	Shinhung/Korea	
5	Đồng hồ Gas	Cái	102	71	Đồng hồ Gas, Shinhung/Korea	Shinhung/Korea	
6	Đồng hồ Oxy	Cái	102	71	Đồng hồ Oxy, Shinhung/Korea	Shinhung/Korea	










7	Đồng hồ CO2	Cái	98	69	Đồng hồ CO2, Shinhung/Korea	Shinhung/Korea	
8	Đồng hồ mê ôm 0-1000 MKΩ	Cái	1	1	Đồng hồ đo điện trở cách điện Kyoritsu 3005A THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐO ĐIỆN TRỞ CÁCH ĐIỆN Điện áp thử: 250V/500V/1000V Phạm vi đo (giá trị trung bình): 20MΩ/200MΩ/2000MΩ Điện áp đầu ra trên mạch hở: điện áp thử nghiệm định mức +20%, -0%	Thái Lan	
9	Đồng hồ vạn năng Điện tử	Cái	1	1	Đồng hồ vạn năng Kyoritsu 1021R THÔNG SỐ KỸ THUẬT Hãng sản xuất: Kyoritsu Model: 1021R Bảo hành: 12 tháng DC V: 6.000/60.00/600.0V ±0.5%rd ±3dgt DC mV: 600.0mV ±1.5%rd ±3dgt Ampe kim Kyoritsu KEW SNAP 200 400A600V	Thái Lan	
10	Đồng hồ ampe kim 0- 600 A	Cái	1	1	THÔNG SỐ KỸ THUẬT Dải đo dòng AC : 40/400A , +/- 2.0% rdg (50/60Hz) Dải đo điện áp AC : 400/600V, +/- 2.0% rdg (50/60Hz) Dải đo điện áp DC : 400/600V, +/- 1.5% rdg Dải đo điện trở Ω : 400Ω/4KΩ +/- 2.0% rdg	Thái Lan	
VI Máy cầm tay							
1	Máy mài 125	Bộ	154	84	Máy mài Makita 125mm Model: GA5010 Công suất: 1050w	China	
2	Máy mài 150	Bộ	85	54	Máy mài Makita 150mm Model: GA6010 Công suất: 1200w	China	
3	Máy mài 180	Bộ	20	14	Máy mài Makita 180mm Model: GA7020 Công suất: 2200w	China	
4	Máy mài dùi 650w	Bộ	44	14	Máy mài dùi Bosch Model: GGS 28LC Công suất: 650w Đường kính đá: 8mm	Germany	
5	Máy khoan tay 750W	Bộ	8	6	Máy khoan tay Makita Model: HP 2050 Công suất: 720w Đường kính mũi: 13mm	China	











6	Súng bắn nhiệt	Bộ	28	20	Máy đo nhiệt độ Fluke Model: 62 Max Dải đo:-30 °C đến 500 °C (-22 °F đến 662 °F) Độ chính xác: ≥ 0 °C là ± 2.0 °C hoặc ± 2.0 % Thời gian hồi đáp: <500 ms	Malaysia	
7	Máy khoan bê tông 700w	Cái	2	0	Máy khoan bê tông Bosch Model: GBH 220 Công suất: 700w Đường kính mũi: 20mm Xuất xứ: Trung Quốc	China	
8	Máy khoan sắt cầm tay 500w	Cái	2	1	Máy khoan cầm tay Makita Model: M0801B Công suất: 500w Đường kính mũi: 13mm	China	
9	Máy doa lỗ cầm tay 400w	Cái	1	1	Máy mài dư Bosch Model: GGS 5000L Công suất: 400w Đường kính mũi: 6mm	China	
10	Mô hàn ngắn mạch 220V	Cái	1	1	Mô hàn xung BK Model: BK 220 Công suất: 100W Xuất xứ: Việt Nam Bảo hành: 12 tháng	VN	
11	Máy sấy cầm tay 220V- 1500 w	Cái	1	1	Máy thổi hơi nóng Makita Model: HG 5030 Công suất: 1600w Điện áp: 220V Xuất xứ: Trung Quốc Bảo hành: 6 tháng	China	
12	Xe nâng tay 3T	Bộ	6	4	Xe nâng tay NiKi 3T loại càng rộng Tải trọng nâng: 3 Tấn Chiều cao nâng: 80-200mm Chiều dài càng nâng: 1150mm Chiều rộng càng nâng: 550mm Xuất xứ: Trung Quốc Bảo hành: 12 tháng	China	
VII Dụng cụ điện							
1	Tủ điện						
1.1	Tủ điện di động 3 pha 100-150A (30M dây nguồn)	Bộ	15	11	Tủ điện 300x500x150+ Át chống giật 3 pha + 100A + Ổ cắm công nghiệp 3 pha + Dây nguồn 4x6	Việt Nam hoặc tương đương	 
















1.2	Tủ điện đi động 1 pha 32A, 6 ổ cắm (30M cáp PVC 3x6)	Bộ	30	6	Tủ điện 300x500x150+ Ất chống giật 1 pha 32A + Dây nguồn 3x2,5 + Ổ cắm công nghiệp 1 pha	Việt Nam hoặc tương đương	
1.3	Tủ ủ que hàn cá nhân 5Kg	Bộ	16	12	Theo tiêu chuẩn của nhà SX	Hàn Quốc hoặc tương đương	
2	Quạt thông gió F 300	Bộ	29	21	Quạt hướng trục Đường kính = 300mm, Công suất = 520W, Áp suất = 373Pa, Lưu lượng gió = 3900m ³ /h, Độ ồn = 71dB	Việt Nam hoặc tương đương	
3	Cáp hàn và cáp điện			0			
3.1	Cáp hàn 35mm	M	200	200	CÁP HÀN SAMWON 35mm ²	Korea	
3.2	Cáp hàn 50mm	M	530	400	CÁP HÀN SAMWON 50mm ²	Korea	
3.3	Cuộn cáp điện 1 pha (Phích+ Ổ+30m dây 3x2.5)	Bộ	55	39	Theo tiêu chuẩn của nhà SX	Việt Nam hoặc tương đương	
3.4	Cuộn cáp điện 3 pha (Phích+ Ổ +30m dây 4x6)	Cái	23	17	Theo tiêu chuẩn của nhà SX	Việt Nam hoặc tương đương	
3.5	Cáp điện 3x1,5mm ²	m	1455	1019	Theo tiêu chuẩn của nhà SX	Việt Nam hoặc tương đương	











3.6	Ru lô điện 3x 2.5 (30M dây/rulo: 4 ổ)	Bộ	39	28	Theo tiêu chuẩn của nhà SX	Việt Nam hoặc tương đương	
4	Đèn chiếu sáng			0			
4.1	Đèn chiếu sáng di động Led 2x200W bao gồm dây 3x1.5x 30m + phích cắm	Cái	36	26	Led 2x200W	Philips hoặc tương đương	
4.2	Đèn chiếu sáng xách tay Led 200W bao gồm dây 3x1.5x30m + phích cắm	Cái	52	37	Led 200W	Dạng đồng-Việt Nam hoặc tương đương	
4.3	Đèn chống cháy nổ trong không gian hạn chế 200W	Bộ	20	14	200W	Việt Nam hoặc tương đương	
4.4	Máy Bắn cốt Laser Bosch Tia Xanh GCL2-50CG	Bộ	1	1	Theo tiêu chuẩn của nhà SX	Bosch - Germany hoặc tương đương	
5	Ổ cắm, phích cắm			0			
5.1	Ổ cắm 3 pha 32A	Cái	40	28	Theo tiêu chuẩn của nhà SX	Việt Nam hoặc tương đương	
5.2	Phích cắm 3 Pha 32A	Cái	40	28	Theo tiêu chuẩn của nhà SX	Việt Nam hoặc tương đương	
5.3	Ổ cắm 1 pha 16A	Cái	40	28	Theo tiêu chuẩn của nhà SX	Việt Nam hoặc tương đương	
5.4	Phích cắm 1 Pha 16A	Cái	266	187	Theo tiêu chuẩn của nhà SX	Việt Nam hoặc tương đương	




VIII	Dụng cụ tổng hợp						
1	Dụng cụ phục vụ sửa chữa điện, cơ khí						
1.1	Kim điện 500 V		3	3	Kim cắt Asaki AK-8147 5inch-135mm	Taiwan	
1.2	Tuốc lovit các loại 200- 400mm	Cái	3	3	Tuốc nơ vít 2 đầu Crossman 45-400	Taiwan	
1.3	Cưa sắt cầm tay 500mm	Cái	2	2	Cưa sắt cầm tay 500mm, 7911-12/ Kingtony	Taiwan	
1.4	Dao cắt giấy Loại to	Cái	3	3	Dao cắt giấy Loại to, FO-KN02B/ Thiên Long	Taiwan	
1.5	Kim chết 3 inch	Cái	1	1	Kim chết 3 inch, 6011-05R/ Kingtony	Taiwan	
1.6	Kim rút đinh 1-4mm	Cái	1	1	Kim rút đinh 1-4mm, STHT69800/ Stanley	Taiwan	
1.7	Clê cá sấu 12 inch	Cái	2	2	Clê cá sấu 12 inch, 6531-12/ Kingtony	Taiwan	
1.8	Cờ lê 8-10	Cái	60	25	Cờ lê 8-10, 1062-08 1062-09 1062-10/ Kingtony	Taiwan	
1.9	Cờ lê đủ bộ 6-32	Bộ	20	8	Cờ lê đủ bộ 6-32, 1226MR/ Kingtony	Taiwan	
1.10	Cờ lê 41, 46, 50, 55, 60, 65.	Bộ	4	3	Cờ lê 41. 46. 50. 55. 60. 65. 1071-41 1071-46 1071-50 1071-55	Taiwan	




1.11	Cà lê đuôi chuột 17-19; 19-21;24-27; 30-32; 34-36; 41-46	Bộ	2	2	Cà lê đuôi chuột 17-19; 19-21;24-27; 30-32; 34-36; 41-46, KF-17*19 KF-19*21 KF-24*27 KF-30*32	Taiwan	
1.12	Bộ hộp tuýp 6- 32 mm	Bộ	2	2	6-32mm Bộ ống tuýp 26 cái hệ mét Kingtony 1826MR	Taiwan	
1.13	Lục giác 3,5- 16 mm	Bộ	2	2	Lục giác 3.5- 16 mm, 20210 MR/ Kingtony	Taiwan	
1.14	Mô lét 12"	Cái	55	39	Mô lét 12", 3611-12P/ Kingtony	Taiwan	
1.15	Búa 3Kg	Cái	106	75	Búa tạ cán nhựa TPR Asaki AK-9573 6LB / 2.7kg	Taiwan	
1.16	Búa 5Kg	Cái	96	68	Búa tạ cán nhựa TPR Asaki AK-9576 12LB / 5.5kg	Taiwan	
1.17	Búa10kg	Cái	21	15	Búa tạ cán nhựa TPR Asaki AK-9578 16LB / 7.3kg	Taiwan	
2	Dụng cụ phục vụ hàn và cắt hơi.			0			
2.1	Mặt nạ hàn trùm đầu	Cái	112	79	Mặt nạ hàn đội đầu hiệu Blue Eagle + tấm kính hàn	Taiwan	
2.2	Mặt nạ mài, cắt trùm đầu	Cái	300	210	Khung EV 14+ tấm kính EV 815	Taiwan	
2.3	Kim cắt dây thợ hàn	Cái	108	76	Kim cắt Asaki AK-8147 5inch-135mm	Taiwan	
2.4	Kim hàn 500A	Cái	22	16	Kim hàn Binzel DE2500K - 500A	Đức	


2.5	Kẹp mát	Cái	42	30	Kim kẹp mát 500A, hãng Binzel	Đức	
2.6	Mô thổi than Gouging	Cái	30	21	MÔ THỔI THAN 800A/1000A – Hanto HÀN QUỐC (1 bộ bao gồm dây 2m và mô)	Korea	
2.7	Búa gõ xi hàn lò xo	Cái	126	89	Búa gõ ri sét cán sắt có lò xo	VN	
2.8	Khớp nối nhanh dây hàn 50mm	Bộ	75	53	Khớp nối nhanh dây hàn 50mm (Đầu đực + đầu cái)	China	
2.9	Bộ thông bếp	Bộ	44	31	DỤNG CỤ SOI BẾC 25-120	VN	
2.10	Quẹt đánh lửa hàn cắt gió đá	Bộ	87	61	Quẹt đánh lửa hàn cắt gió đá	VN	
2.11	Đai xiết dây ô xy + Ga d19	Cái	880	616	Đai xiết dây ô xy + Ga d19 STAR	China	
2.12	Khớp nối nhanh dây khí nén 1/2"	Bộ	40	28	Khớp nối nhanh dây Gas 22SH + 22PH/ Nitto	Japan	
2.13	Khớp nối nhanh dây Gas	Bộ	204	143	Khớp nối nhanh dây Gas 22SH + 22PH/ Nitto	Japan	
2.14	Khớp nối nhanh dây Oxy	Bộ	204	143	Khớp nối nhanh dây Oxy 22SH + 22PH/ Nitto	Japan	
2.15	Mô cắt hơi	Bộ	26	19	Mô cắt hơi Shinhung/korea	Korea	

2.16	Mô gia nhiệt	Bộ	48	34		Korea	
2.17	Mô Fairing	Bộ	16	12	Mô Fairing shinhung/korea	Korea	
2.18	Bộ gia nhiệt 15 mô dài 1,5m thẳng	Bộ	3	3			
2.19	Bộ gia nhiệt 15 mô dài 1,5m cong theo đường kính 14m	Bộ	3	3			
3	Dụng cụ đo và lấy dấu			0			
3.1	Ke vuông 300x200	Bộ	58	38	Thước vuông eke vuông thép Niigata Seiki MT-30KD 320x160x20mm	Japan	
3.2	Ke vuông 600x400	Bộ	58	38	Thước vuông eke vuông thép Niigata Seiki MT-60KD (Kích thước 60x30cm)	Japan	
3.3	Rọi nam châm 3M	Bộ	52	34	Quả dọi có nam châm 3M x 300G Asaki AK-2571		
3.4	Rọi nam châm 15M	Bộ	14	10			
3.5	Thước lá 1.2M	Bộ	41	27	Thước lá thép Niigata Seiki SV-1000KD – Kích thước 1000mm phủ Satin	Japan	
3.6	Ni vô 600mm	Bộ	58	38	Nivo Thước thủy có từ 24inch 60cm Stanley 43-554	Thái Lan	
3.7	Ni vô 1200mm	Bộ	58	38	hước thủy từ có vạch, hình H IBL48M3H - Akita	Taiwan	
3.8	Thước cuộn 5M	Bộ	98	64	Thước cuộn thép hệ Met KDS PDX 19-50WM	Malaysia	
3.9	Thước cuộn 8M	Bộ	24	16	Thước cuộn thép hệ Met KDS PDX 25-75WM	Malaysia	
3.10	Thước dây 30M (Thép)	Bộ	18	12	THƯỚC CUỐN THÉP KDS ST10-30C ST	Malaysia	
3.11	Thước dây 50M (Thép)	Bộ	11	8		Malaysia	

3.12	Thước kẹp điện tử	Bộ	2	2	Thước cặp điện tử 0-300mm/0.01 Mitutoyo (500-153-30)	Japan	
3.13	Thước đo khe hở 0-15	Bộ	36	24	Dụng cụ đo khe hở 1-15mm SK (TPG-700A)	Japan	
3.14	Thước đo lệch mép	Bộ	36	24	Thước đo lệch mép Hi ol CAT1	UK	
3.15	Thước đo mối hàn	Bộ	2	2	Thước đo mối hàn GDSCS-20WWG 20mm/0.01mm	Japan	
3.16	Bút vạch dầu	Bộ	70	46	Viết vạch dầu dầu hợp kim SC-P	Japan	
3.16	Bật mực	Bộ	39	26	Bật mực tự động Asaki AK-2563	Taiwan	
3.17	Tu lấy dầu	Bộ	70	46	Đục lấy dầu dầu hợp kim Ø10mm TCP-M Niigata	Japan	
3.18	Bộ đóng số, chữ (10mm)	Bộ	6	4	BỘ ĐÓNG CHỮ XUÔI TOP 10MM	Taiwan	
4	Dụng cụ khác			0			
4.1	Xe cải tiến	Bộ	12	8	Xe cải tiến 1000x600 x300	VN	
4.2	Xà beng	Cái	44	29	Xà beng Asaki AK-9654 25x1500mm	Taiwan	
4.3	Tọt, nôm (TỰ CHẾ)	Cái	312	203			

4.4	Bulong M50x150	Bộ	50	33	Bulong M50x150, mạ kẽm nóng	VN	
4.5	Tủ đựng cụ cho tổ SX	Cái	16	11	Tủ đựng dụng cụ hàn Cao1500x rộng1000x sâu 600 mm	Taiwan	
4.6	Tủ đựng dụng cụ hàn	Cái	46	30			
4.7	Hộp đựng đồ cầm tay 200x 200x 400		2	2	Hộp đựng đồ nghề Asaki AK-9966	Taiwan	
IX	Thiết bị chuyên dụng						

1	Máy toàn đạc TS06 Plus 3" R500	Bộ	2	0	<p>Máy chủ TS07 3" R500: 01 cái</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thùng nhựa đựng máy: 01 cái - Pin và bộ nạp pin cho máy: 02 cái - Chân nhôm máy toàn đạc: 01 cái - Bộ sào gương 2.15: 01 cái - USB Leica: 01 cái - Kẹp sào: 01 cái - Bộ gương mini: 01 cái - Tặng kèm bộ đàm Motorola GP680: 02 cái 	Thụy Sỹ	 <p>MUA CŨ HOẶC THUÊ</p>
2	Máy thủy bình	Bộ	4	0	<p>Model: NA – 730 Plus</p> <p>Thông số - Ống kính phóng đ ố chính: ại 30X</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ chính xác: + 1.2 mm/km. - Kiểu bù tự động: Dây treo điện tử - Phạm vi bù: ±16' - Đạt chính xác: ±0,5'' <p>* Bộ máy gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 01 đầu máy Leica NA730 Plus - 01 hộp đựng, theo máy - 01 mia 5 mét bằng nhôm, mia rút 	Thụy Sỹ	
3	Dây an toàn toàn thân 2 móc	Bộ	127	127	Dây an toàn toàn thân 2 móc+ giảm sóc hiệu COV - model : A001	Korea	

4	Bộ đàm	Bộ	57	36	<p>Bộ đàm Kenwood TK-2307 Dài tần số VHF 136-174 Mhz – Công suất cao tần: 5 Watt – Công suất âm thanh : 1W – Độ nhạy thu: <0.25 μ V – Kiểu điều chế : FM (F3E) – Độ giãn kênh: 25KHz(W)/12.5KHz(N) – Trở kháng anten: 50 Ω – Dung lượng kênh: 16 kênh – Loại pin chuẩn Li-ion (cho phép sạc nhồi) – Điện áp pin : 7.5 V – Dung lượng: 2000 mAh – Thời gian sạc pin: 3 giờ – Thời gian sử dụng pin khoảng: 12 giờ (theo chu kỳ 5-5-90) – Kích thước (W x H x D) 54 x 122 x 33.7 mm (bao gồm cả pin KNB-45L) – Trọng lượng cả máy : 281 g (Với pin KNB-45L)</p> <p>Cấu hình bộ máy bao gồm: – 01 thân máy – 01 pin Li-ion 7.5v dung lượng 2000 mAH – 01 đế sạc bàn tiêu chuẩn – 01 anten – 01 cài lưng, sách tài liệu đi kèm</p> <p>BẢO HÀNH: - Thân máy 12 tháng - Pin và sạc 3 tháng</p>	Malaysia	
---	--------	----	----	----	--	----------	---